**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN – LỚP 5**

**LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 2) – TIẾT 77**

**Thời gian thực hiện: ngày 24 tháng 12 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản trong đó có vấn đề liên quan đến tìm tỉ số phan trăm của tiền lãi (lỗ).

- Phát triển các NL toán học: NL giao tiếp toán học, NL giải quyết các vấn đề toán học.

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm; biết tiết kiệm trong cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

- Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT; bảng nhóm cho BT7.

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- Bảng con.

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THỜI GIAN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **5P** | **1. Hoạt động mở đầu**  |
|  | - Gv tổ chức trò chơi **Xe buýt** để khởi động tiết học. Cụ thể như sau: HS múa hát theo nền nhạc xe buýt di chuyển. Khi xe dừng sẽ đưa ra 1 câu hỏi, trả lời đúng sẽ đón được bạn lên xe buýt. Tiếp tục hành trình như vậy.***\*Lưu ý:*** Trong quá trình chơi, GV có thể dừng lại để hỏi cách làm để cứu HS bị dừng lại.**Câu 1**: Viết số thập phân 0,09 dưới dạng tỉ số phần trăm.**Câu 2**: Ghi chữ cái trước câu trả lời đúng: Tỉ số phần trăm của 30 và 150 là:A. 2% B. 5% C. 20% D. 50%**Câu 3:** Điền tiếp vào chỗ trống: 20% của 50m2 là …- GV nhận xét, tổng kết hoạt động và dẫn dắt vào tiết học mới. | - HS cả lớp chơi bằng cách ghi đáp án đúng vào bảng con. Ai sai thì phải dừng lại. Ai đúng tiếp tục hành trình cùng xe buýt.- Đáp án: 9%- Đáp án: C- Đáp án: 10 m2 |
| **20p** | **2. Hoạt động thực hành, luyện tập** **\*Mục tiêu:**- Học sinh giải được bài 5, 6, 7 để biết vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản trong đó có vấn đề liên quan đến tìm tỉ số phần trăm của tiền lãi (lỗ), biết thực hành tiết kiệm. |
|  | **\* Cách tiến hành:****Bài 5**- GV mời 1HS đọc đề BT5.- Bài toán cho biết tiền vốn là bao nhiêu? Tiền thu được là bao nhiêu? So sánh tiền thu được và tiền vốn- Bài toán hỏi gì?- Thế nào là tiền lãi ? Muốn tính tiền lãi ta làm thế nào?- Yêu cầu cả lớp làm vở, 2HS lần lượt làm bảng lớp. - GV mời HS nhận xét- GV chốt bài giải đúng. Rút ra: **Gọi tiền vốn là giá gốc, tiền thu được là tiền bán.** **Khi tiền bán cao hơn giá gốc thì ta có tiền lãi.** **Tiền lãi = Tiền thu được (tiền bán hàng) – tiền vốn.** - Mời 1-2HS đọc lại kết luận - Vậy khi số tiền thu được ít hơn tiền vốn thì ta gọi là gì ? Mời các em sang bài 6.**Bài 6**- GV mời 1HS đọc đề Bài 6.- Bài toán cho biết tiền vốn là bao nhiêu? Tiền thu được là bao nhiêu? So sánh tiền thu được và tiền vốn?- Bài toán hỏi gì?- Thế nào là tiền lỗ ? Muốn tính tiền lỗ ta làm thế nào?- Yêu cầu HS làm vở rồi 2 bạn trao đổi kết quả với nhau.  - GV mời HS đọc bài giải của mình- GV chốt bài giải đúng. **Rút ra: Khi tiền bán thấp hơn giá gốc thì ta có tiền lỗ.** **Tiền lỗ = Tiền vốn - Tiền thu được (tiền bán).** - Mời 1-2HS đọc lại kết luận.- Chuyển ý sang bài 7. | - 1HS đọc đề bài 5- Cho biết: Tiền vốn: 2 000 000 đồng; tiền thu được 2 200 000 đồng. Tiền thu được cao hơn tiền vốn- Hỏi: a) Tính tiền lãi ?b) Tỉ số phần trăm của tiền lãi và tiền vốn ?- Tiền lãi là tiền thu được cao hơn tiền vốn. **Tiền lãi = Tiền thu được – Tiền vốn**- Cả lớp làm VBT trang 104, 2HS làm bảng lớp.Bài giải:a) Số tiền người bán hàng đó đã lãi là:2 200 000 – 2 000 000 = 200 000 (đồng)b) Tỉ số phần trăm của tiền lãi so với tiền vốn là:200 000 : 2 000 000 = 10%Đáp số: a) 200 000 đồng; b) 10%.- HS nhận xét bài làm của bạn; chữa bài.- Lắng nghe.- 1HS đọc đề bài 6.- Cho biết: Tiền vốn: 3 000 000 đồng; tiền thu được 2 850 000 đồng. Tiền thu được thấp hơn tiền vốn.- Hỏi: a) Tính tiền lỗ?b) Tỉ số phần trăm của tiền lỗ và tiền vốn ?- Tiền lỗ là tiền thu được thấp hơn tiền vốn. **Tiền lỗ = Tiền vốn – Tiền thu được**- HS làm VBT trang 104*Bài giải**a) Số tiền lỗ là:**3 000 000 - 2 850 000 = 150 000 (đồng)**b) Tỉ số phần trăm của tiền lỗ so với tiền vốn là:**150 000 : 3 000 000 = 5%**Đáp số: Lỗ 150 000 đồng, bằng 5% tiền vốn* - Lắng nghe, nhận xét |
| **8p** | **3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm** **\* Mục tiêu:** Giúp HS biết phân tích số liệu trong bảng số liệu; vận dụng giải toán tìm tỉ số phần trăm của hai số trong thực tiễn. |
| **2p** | **\* Cách tiến hành:****Bài 7**- GV giới thiệu đây là bảng số liệu thống kê ghi chi tiêu trong tháng 8 của gia đình Cô Lan.- H: Bảng số liệu có mấy cột? Nêu tên các cột?- Mời 2HS đọc bảng số liệu theo cột.- Bài toán yêu cầu em làm gì?- Yêu cầu HS đọc thầm lại bảng số liệu, suy nghĩ làm thế nào để tính số tiền gia đình Cô Lan đã chi tiêu tất cả trong tháng 8 ?- Để tính gia đình Cô Lan đã chi bao nhiêu phần trăm cho một nội dung chi ta làm thế nào?- Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để trả lời các câu hỏi của Bài 7, viết kết quả thảo luận vào bảng nhóm. Thời gian thảo luận 5 phút.- Mời đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét.- Chốt câu trả lời đúng, tuyên dương nhóm làm đúng.**4. Hoạt động củng cố, nối tiếp**- Qua bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?- Để có thể làm tốt các bài tập trên, em nhắn bạn điều gì? | - Quan sát.- 2 cột. Cột 1: Nội dung chi. Cột 2: Số tiền (đơn vị tính là đồng)- 2HS đọc.- Nêu yêu cầu bài toán.- Đổi 600 nghìn = 0,6 triệu rồi tính tổng số tiền các nội dung chi trong tháng 8. - Nội dung chi : tổng số tiền chi trong tháng 8.- Lập nhóm, thảo luận. a) Số tiền gia đình cô Lan đã chi tiêu trong tháng 8 là:600 nghìn = 0,6 triệu4,8 + 0,9 + 3 + 0,6 + 1,2+ 1,5= 12 (triệu đồng)a) Trong tổng số tiền chi tiêu, tiền ăn chiếm tỉ số phần trăm là:4,8: 12 = 40%Tiền tiết kiệm chiếm tỉ số phần trăm là:2: 12=10%b) – Tiền điện, nước, Internet chiếm bao nhiêu phần trăm?- Tiền học chiếm bao nhiêu phần trăm?- Tiền xăng xe, đi lại chiếm bao nhiêu phần trăm?- Các khoản chi khác chiếm bao nhiêu phần trăm?- 1-2 nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung- Lắng nghe.- Trả lời theo hiểu biết- Nắm vững công thức giải toán tỉ số phần trăm; yêu thích học Toán |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………